

UL68

TÂM AN BẢO PHÁT



QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG 2018

Được phê chuẩn theo công văn số: 13510/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 2 tháng 11 năm 2018

▶ Hotline **1900 6603**

QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG 2018

(Được phê chuẩn theo công văn số: 13510/BTC-QLBH ngày 02 /11 / 2018)

Đây là Quy tắc điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2018 (sau đây gọi tắt là “**Quy Tắc Điều Khoản**”).

Xin Quý khách hàng vui lòng kiểm tra và đọc kỹ tất cả các điều kiện, điều khoản của Quy Tắc Điều Khoản này (đặc biệt là các quy định về quyền lợi bảo hiểm, các loại trừ bảo hiểm, Phí Bảo Hiểm, và các yêu cầu có liên quan), Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, và các tài liệu được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm để đảm bảo chắc chắn rằng Quý khách hàng đã hiểu rõ Quy Tắc Điều Khoản này và Hợp Đồng Bảo Hiểm. Chúng tôi rất vui lòng được giải đáp cho Quý khách hàng mọi thắc mắc có liên quan đến Quy Tắc Điều Khoản này và Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Việc Quý khách hàng ký vào Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm là bằng chứng xác nhận việc Quý khách hàng đã hiểu rõ và chấp nhận tất cả quy định và nội dung của Quy Tắc Điều Khoản này và của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Cam kết dịch vụ của chúng tôi:

Chúng tôi mong muốn cung cấp cho Quý khách hàng các dịch vụ đạt tiêu chuẩn chất lượng cao nhất và giải quyết mọi khiếu nại phát sinh từ Hợp Đồng Bảo Hiểm một cách trung thực, công bằng và nhanh chóng.

MỤC LỤC

Điều 1.	Các định nghĩa	4
Điều 2.	Bảo hiểm tạm thời	9
Điều 3.	Tự do xem xét	10
Điều 4.	Bảo mật thông tin	10
Điều 5.	Các quyền lợi bảo hiểm của Hợp Đồng	11
Điều 6.	Phí Bảo Hiểm, Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng, thay đổi các loại phí	13
Điều 7.	Chuyển nhượng Hợp Đồng.....	15
Điều 8.	Rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.....	15
Điều 9.	Hủy bỏ Hợp Đồng.....	16
Điều 10.	Tạm ứng từ Giá Trị Hoàn Lại.....	16
Điều 11.	Trách nhiệm cung cấp thông tin	17
Điều 12.	Những thay đổi liên quan đến Hợp Đồng.....	17
Điều 13.	Miễn truy xét.....	19
Điều 14.	Thời gian gia hạn đóng phí.....	19
Điều 15.	Khôi phục hiệu lực Hợp Đồng.....	21
Điều 16.	Chấm dứt Hợp Đồng.....	22
Điều 17.	Chỉ định Người Thụ Hưởng	22
Điều 18.	Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	23
Điều 19.	Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	26
Điều 20.	Chính sách Quỹ Liên Kết Chung.....	27
Điều 21.	Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp	27
PHỤ LỤC TỶ LỆ PHÍ		28

Điều 1. Các định nghĩa

- 1.1 Công Ty** là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir được Bộ Tài chính cấp phép thành lập và hoạt động.
- 1.2 Bên Mua Bảo Hiểm** là tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hoặc trong nước từ đủ 18 tuổi trở lên hiện đang sinh sống hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; là người trực tiếp kê khai, ký tên trên Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp Đồng.
- 1.3 Người Được Bảo Hiểm** là cá nhân đang sinh sống hợp pháp tại Việt Nam vào Ngày Hiệu Lực và nằm trong phạm vi Tuổi tham gia quy định tại Điều 1.8 và được Công Ty chấp nhận bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản.
- 1.4 Người Thụ Hưởng** là cá nhân hoặc tổ chức được Bên Mua Bảo Hiểm chỉ định với sự đồng ý của Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản.
- 1.5 Tuổi** là tuổi được tính theo ngày sinh nhật của Người Được Bảo Hiểm gần nhất trước Ngày Hiệu Lực hoặc Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng.
- 1.6 Thời Hạn Hợp Đồng** là thời gian được tính kể từ Ngày Hiệu Lực đến Ngày Đáo Hạn.
- 1.7 Ngày Hiệu Lực** là ngày Bên Mua Bảo Hiểm hoàn thành Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm, đóng đầy đủ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản nếu Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm được Công Ty chấp nhận và Người Được Bảo Hiểm còn sống tại thời điểm Công Ty chấp nhận bảo hiểm. Ngày Hiệu Lực được ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.
- 1.8 Ngày Đáo Hạn** là Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng mà Người Được Bảo Hiểm có một trong các độ Tuổi dưới đây, căn cứ vào sự lựa chọn của Bên Mua Bảo Hiểm và được Công Ty chấp thuận. Ngày Đáo hạn được ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm:

Lựa Chọn	Tuổi tham gia của Người Được Bảo Hiểm	Ngày Đáo Hạn
Lựa Chọn 01	Từ 06 tháng Tuổi đến 65 Tuổi	100 Tuổi
Lựa Chọn 02	Từ 06 tháng Tuổi đến 55 Tuổi	66 Tuổi

- 1.9 Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng** là ngày kỷ niệm tương ứng hàng năm của Ngày Hiệu Lực hoặc ngày cuối cùng của cùng tháng đó trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng nếu trong tháng không có ngày kỷ niệm đó.

- 1.10 Thời Hạn Đóng Phí** là khoảng thời gian mà Bên Mua Bảo Hiểm đóng Phí Bảo Hiểm cho Công Ty theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
- 1.11 Định Kỳ Phí** là định kỳ thanh toán hàng năm hoặc nửa năm hoặc hàng quý hoặc hàng tháng, tùy theo sự chọn lựa của Bên Mua Bảo Hiểm và được thể hiện trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.
- 1.12 Phí Bảo Hiểm Cơ Bản** là khoản Phí Bảo Hiểm được tính toán dựa trên Số Tiền Bảo Hiểm, Tuổi của Người Được Bảo Hiểm tại thời điểm tham gia theo Định Kỳ Phí do Bên Mua Bảo Hiểm lựa chọn và Công Ty chấp nhận. Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.
- 1.13 Số Tiền Bảo Hiểm** là số tiền được chọn bởi Bên Mua Bảo Hiểm tại thời điểm tham gia và được Công Ty chấp nhận để chi trả Quyền Lợi Cơ Bản được quy định tại Điều 5.1 và không thấp hơn Số Tiền Bảo Hiểm tối thiểu theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm. Số Tiền Bảo Hiểm được ghi trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm. Trường hợp Công Ty tăng Số Tiền Bảo Hiểm tối thiểu, Bên Mua Bảo Hiểm có quyền không thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm nếu Số Tiền Bảo Hiểm đang nhỏ hơn Số Tiền Bảo Hiểm tối thiểu mới.
- 1.14 Phí Định Kỳ** là Phí Bảo Hiểm được thanh toán theo Định Kỳ Phí được lựa chọn tại thời điểm tham gia. Trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Phí Định Kỳ không được thấp hơn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản. Sau Năm Hợp Đồng thứ 04, Bên Mua Bảo Hiểm có thể đóng Phí Bảo Hiểm bất kỳ lúc nào với điều kiện số phí đóng không thấp hơn Phí Bảo Hiểm tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm. Nếu số tiền đóng vào nhỏ hơn hoặc bằng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, số tiền này sẽ được thanh toán một phần hoặc toàn bộ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.
- 1.15 Phí Đóng Thêm** là số tiền Bên Mua Bảo Hiểm đóng cho Công Ty sau khi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của (những) Năm Hợp Đồng trước đó và cho đến kỳ phí đến hạn hiện tại cũng như phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ (nếu có) được thanh toán đầy đủ. Phí Đóng Thêm được phân bổ vào Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm sau khi trừ đi Phí Ban Đầu.
- 1.16 Phí Bảo Hiểm** là khoản tiền Bên Mua Bảo Hiểm thanh toán cho Công Ty để được bảo hiểm và duy trì hiệu lực của Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ có hiệu lực và Người Được Bảo Hiểm sẽ được bảo hiểm theo Hợp Đồng này với điều kiện là Bên Mua Bảo Hiểm đã thanh toán Phí Bảo Hiểm theo quy định của Hợp Đồng.
- 1.17 Năm Phí Bảo Hiểm** là năm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản đã được đóng đầy đủ.
- 1.18 Ngày Kỷ Niệm Tháng** là ngày lặp lại tương ứng hàng tháng của Ngày Hiệu Lực trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng. Trường hợp trong tháng không có ngày lặp lại tương ứng, thì ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 1.19 Năm Hợp Đồng** là khoảng thời gian 01 năm dương lịch tính từ Ngày Hiệu Lực hoặc Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng.

- 1.20 Ngày Đến Hạn Đóng Phí** là ngày Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng đủ Phí Định Kỳ cho Công Ty theo thỏa thuận tại Hợp Đồng hoặc thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp Đồng (nếu có).
- 1.21 Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Sung** là số tiền được chọn bởi Bên Mua Bảo Hiểm tại thời điểm tham gia và được Công Ty chấp nhận để chi trả Quyền Lợi Bổ Sung được quy định tại Điều 5.2. Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Sung được ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.
- 1.22 Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm** là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty, trong đó ghi nhận quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Hợp Đồng bao gồm các tài liệu sau: Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm; Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm; Quy Tắc Điều Khoản; Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 1.23 Quyền Lợi Cơ Bản** là các quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 5.1 và được áp dụng cho Người Được Bảo Hiểm với điều kiện các khoản Phí Bảo Hiểm Rủi Ro cho quyền lợi này được khấu trừ đầy đủ theo quy định tại Hợp Đồng.
- 1.24 Quyền Lợi Bổ Sung** là quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 5.2, do Bên Mua Bảo Hiểm chọn thêm khi tham gia bảo hiểm và được áp dụng cho Người Được Bảo Hiểm với điều kiện các khoản Phí Bảo Hiểm Rủi Ro cho quyền lợi này được khấu trừ đầy đủ theo quy định tại Hợp Đồng.
- 1.25 Quyền Lợi Đáo Hạn** là quyền lợi bảo hiểm cùng với điều kiện áp dụng quyền lợi này được quy định tại Điều 5.3.
- 1.26 Quyền Lợi Thương Duyệt Trì Hợp Đồng** là quyền lợi bảo hiểm cùng với điều kiện áp dụng quyền lợi này được quy định tại Điều 5.4.
- 1.27 Phí Ban Đầu** là toàn bộ các khoản phí mà Công Ty được giữ lại trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Đóng Thêm thu được tại mỗi lần đóng trước khi phân bổ vào Quỹ Liên Kết Chung. Phí Ban Đầu được xác định theo quy định chi tiết tại Phụ Lục Tỷ Lệ Phí.
- 1.28 Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng** là khoản phí được Công Ty khấu trừ từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng vào Ngày phát hành Hợp Đồng hoặc Ngày Kỷ Niệm Tháng, bao gồm: Phí Bảo Hiểm Rủi Ro, Phí Quản Lý Hợp Đồng.
- 1.29 Phí Bảo Hiểm Rủi Ro** là khoản phí để đảm bảo chi trả Quyền Lợi Cơ Bản và Quyền Lợi Bổ Sung (nếu được Bên Mua Bảo Hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia) theo Hợp Đồng và được khấu trừ từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro sẽ được khấu trừ theo thứ tự ưu tiên như sau: khấu trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro cho Quyền Lợi Cơ Bản trước, sau đó khấu trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro cho Quyền Lợi Bổ Sung nếu như Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và/hoặc Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm còn đủ để khấu trừ cho Quyền Lợi Bổ Sung. Tỷ lệ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro có thể được thay đổi sau khi được Bộ Tài Chính chấp thuận.

- 1.30 Phí Quản Lý Hợp Đồng** là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp Đồng và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho Bên Mua Bảo Hiểm. Phí Quản Lý Hợp Đồng được khấu trừ từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng và được tính theo quy định chi tiết tại Phụ Lục Tỷ Lệ Phí.
- 1.31 Phí Quản Lý Quỹ** là khoản phí được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên Kết Chung; Tỷ lệ Phí Quản Lý Quỹ được quy định chi tiết tại Phụ Lục Tỷ Lệ Phí. Phí Quản Lý Quỹ được khấu trừ trước khi Công Ty công bố lãi suất đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung.
- 1.32 Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng** là khoản phí mà Bên Mua Bảo Hiểm phải chịu khi chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn Hợp Đồng; được khấu trừ từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng và tính toán theo quy định chi tiết tại Phụ Lục Tỷ Lệ Phí.
- 1.33 Phí Rút Tiền** là khoản phí mà Bên Mua Bảo Hiểm phải chịu khi yêu cầu rút một phần từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm; được khấu trừ từ khoản tiền được yêu cầu rút; đồng thời được tính toán theo quy định chi tiết tại Phụ Lục Tỷ Lệ Phí.
- 1.34 Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi trừ đi Phí Ban Đầu, các Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng, các chi phí khác liên quan (nếu có) và cộng vào các khoản lãi và thưởng khác (nếu có) theo Quy Tắc Điều Khoản. Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư được công bố quy định tại Điều 5.3.2 Quy Tắc Điều Khoản này.
- 1.35 Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm** là tổng số tiền được tích lũy từ các khoản Phí Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu và được tính như quy định tại Điều 6.4.
- 1.36 Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng** là tổng số tiền của Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.
- 1.37 Giá Trị Hoàn Lại** là số tiền Bên Mua Bảo Hiểm sẽ nhận được khi Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt trước thời hạn. Giá Trị Hoàn Lại bằng Giá Trị Tài Khoản Hợp đồng trừ đi Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng và các Khoản Nợ (nếu có). Trong trường hợp Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng bằng hoặc lớn hơn Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, thì Giá Trị Hoàn Lại sẽ bằng Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm. Giá Trị Hoàn Lại được tính toán phù hợp với cơ sở kỹ thuật của sản phẩm đã được Công Ty đăng ký với Bộ Tài chính. Giá Trị Hoàn Lại ước tính vào Ngày Kỳ Niệm Hợp Đồng được Công Ty trình bày tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
- 1.38 Quỹ Liên Kết Chung** là quỹ được hình thành từ nguồn Phí Bảo Hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Tài sản của Quỹ Liên Kết Chung không phân chia và xác định chung cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm được hưởng lãi trên Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung theo quy định tại Hợp Đồng.
- 1.39 Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm** là văn bản yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của Công Ty, trong đó ghi các nội dung đề nghị tham gia bảo hiểm và thông tin do Bên Mua Bảo Hiểm tham gia bảo hiểm và

Người Được Bảo Hiểm cung cấp để Công Ty đánh giá rủi ro, làm căn cứ chấp nhận bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm do Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) kê khai, ký tên và cung cấp cho Công Ty.

1.40 Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm là văn bản do Công Ty cấp cho Bên Mua Bảo Hiểm, trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của Hợp Đồng, và là một phần không tách rời của Hợp Đồng.

1.41 Sự Kiện Bảo Hiểm là sự kiện Người Được Bảo Hiểm chết hoặc bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn.

1.42 Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn là sự kiện Người Được Bảo Hiểm bị thương tật, dẫn đến một trong những tình trạng được mô tả sau đây:

(a) Người Được Bảo Hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:

- (i) Hai tay, hoặc;
- (ii) Hai chân, hoặc;
- (iii) Một tay và một chân, hoặc;
- (iv) Hai mắt, hoặc;
- (v) Một tay và một mắt, hoặc;
- (vi) Một chân và một mắt.

Trong các trường hợp trên, mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của: (i) tay, được tính từ cổ tay trở lên; (ii) chân, được tính từ mắt cá chân trở lên; (iii) mắt, được hiểu là mất hẳn mắt hoặc mù hoàn toàn.

Hoặc

(b) Người Được Bảo Hiểm bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo xác nhận của cơ quan y tế/ Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh trở lên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể được dùng chung cho tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, tỷ lệ thương tích, tỷ lệ thương tật, tỷ lệ bệnh tật, tỷ lệ tổn hại sức khỏe.

1.43 Tai Nạn là một sự kiện hay một chuỗi các sự kiện không bị gián đoạn có liên quan đến sự tác động bất ngờ của một vật hoặc một lực bên ngoài, ngoài ý muốn chủ quan của Người Được Bảo Hiểm, lên cơ thể của Người Được Bảo Hiểm và là nguyên nhân trực tiếp làm cho Người Được Bảo Hiểm bị tử vong hoặc bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn, ngoại trừ bất kỳ quá trình nào xảy ra do bệnh tật, tuổi tác hay sự thoái hóa. Tai Nạn cũng bao gồm trường hợp Người Được Bảo Hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của nhà nước, của nhân dân hoặc tham gia chống các hành động phạm pháp.

1.44 Ngày Phát Sinh Sự Kiện Bảo Hiểm là ngày tới trước của một trong hai ngày sau:

(a) Ngày Người Được Bảo Hiểm chết; hoặc

- (b) Ngày ghi nhận Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn, theo chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Nếu trong văn bản chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền không ghi rõ ngày Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn thì áp dụng ngày ký văn bản chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Việc chứng nhận sẽ được thực hiện trong thời gian như sau:
- (i) Việc chứng nhận Người Được Bảo Hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra.
 - (ii) Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể phải được thực hiện không sớm hơn 6 tháng kể từ ngày xảy ra Tai Nạn hoặc từ ngày xảy ra biến chứng y khoa là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Sự Kiện Bảo Hiểm được ghi nhận trên hồ sơ y tế của Người Được Bảo Hiểm.
- 1.45 Thuế** là các khoản thuế áp dụng đối với các khoản tiền được chi trả hoặc thanh toán theo quy định của Hợp Đồng mà Công Ty phải thu hộ Nhà nước Việt Nam theo quy định của Pháp luật liên quan thông qua việc khấu trừ từ bất kỳ khoản tiền nào được chi trả hoặc thanh toán theo quy định của Hợp Đồng.
- 1.46 Khoản Nợ** là các khoản Khấu Trừ Hàng Tháng đến hạn chưa được trừ và các khoản tạm ứng cùng với lãi tính trên các khoản tạm ứng như được quy định tại Điều 10. Công Ty sẽ trừ đi Khoản Nợ (nếu có) từ bất kỳ khoản tiền nào mà Công Ty phải trả theo Hợp Đồng này.
- 1.47 Điều** là các điều, khoản, điểm, mục tương ứng tại các Điều của Quy Tắc Điều Khoản này.

Điều 2. Bảo hiểm tạm thời

2.1 Thời gian bảo hiểm tạm thời

- (a) Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi Bên Mua Bảo Hiểm hoàn tất Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm và đóng đủ Phí Bảo Hiểm tạm tính. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc vào ngày doanh nghiệp cấp Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc tạm ngừng xử lý Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm hoặc Bên Mua Bảo Hiểm đề nghị hủy bỏ Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm bằng văn bản, tùy ngày nào đến trước.
- (b) Để tránh hiểu lầm, Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty đều hiểu rõ rằng khi Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra trong thời gian bảo hiểm tạm thời, thì chỉ có quyền lợi bảo hiểm tạm thời tại Điều 2.2 được áp dụng và các quyền lợi bảo hiểm tại Điều 5 cũng như các quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm khác không được áp dụng.

2.2 Quyền lợi bảo hiểm tạm thời

- (a) Nếu Người Được Bảo Hiểm tử vong do Tai Nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, Công Ty sẽ chi trả số nhỏ hơn giữa 100.000.000 đồng và tổng số tiền bảo hiểm của các sản phẩm trên cùng một Người Được Bảo Hiểm. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đã đóng lớn hơn số tiền vừa

nêu thì Công Ty sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng. Quyền lợi tại Điều 2.2.a này không được chi trả nếu xảy ra trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định tại Điều 19.

- (b) Nếu Người Được Bảo Hiểm tử vong không do Tai Nạn hoặc bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn thì Công Ty chi trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí khám sức khoẻ (nếu có).

Điều 3. Tự do xem xét

Bên Mua Bảo Hiểm cần nghiên cứu kỹ Hợp Đồng này. Trong vòng 21 ngày kể từ ngày Bên Mua Bảo Hiểm nhận được Hợp Đồng, nếu có bất cứ nội dung nào trong Hợp Đồng không phù hợp với mong muốn của mình, Bên Mua Bảo Hiểm có thể thỏa thuận với Công Ty để sửa đổi lại các nội dung đó trên cơ sở Quy Tắc Điều Khoản này hoặc có văn bản yêu cầu Công Ty chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ bị chấm dứt kể từ ngày Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu bằng văn bản và Công Ty sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm các khoản Phí Bảo Hiểm đã đóng (không có lãi) sau khi trừ đi chi phí khám sức khoẻ (nếu có), với điều kiện là chưa xảy ra Sự Kiện Bảo Hiểm và/hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp Đồng trong khoảng thời gian này.

Điều 4. Bảo mật thông tin

Công Ty không chuyển giao các thông tin cá nhân do Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ những trường hợp/thông tin sau đây:

- 4.1 Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán phí bảo hiểm, phát hành và quản lý, thực hiện Hợp Đồng, thu phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn, cung cấp thông tin cho luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty để phục vụ cho mục đích giải quyết khiếu nại/khiếu kiện;
- 4.2 Các trường hợp khác được Pháp Luật cho phép;
- 4.3 Các trường hợp khác được Bên Mua Bảo Hiểm và/hoặc Người Được Bảo Hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:
 - (a) Bên Mua Bảo Hiểm và/hoặc Người Được Bảo Hiểm phải được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
 - (b) Việc Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài các trường hợp nêu tại Điều 4.1 nêu trên không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết hợp đồng.

Điều 5. Các quyền lợi bảo hiểm của Hợp Đồng

5.1 Quyền Lợi Cơ Bản

5.1.1 Khi một trong hai điều kiện xảy ra sau đây, tùy theo điều kiện nào đến trước:

- (a) Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực và sau thời gian bảo hiểm tạm thời cho đến trước Ngày Đáo Hạn, nếu Người Được Bảo Hiểm tử vong; hoặc
- (b) Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực và sau thời gian bảo hiểm tạm thời cho đến hết Năm Hợp Đồng mà Người Được Bảo Hiểm được 65 Tuổi, nếu Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn,

Công ty sẽ chi trả cho Người Thụ Hưởng Quyền Lợi Cơ Bản được quy định tại Điều 5.1.2.

5.1.2 Căn cứ theo sự lựa chọn của Bên Mua Bảo Hiểm tại thời điểm tham gia và sự chấp nhận của Công Ty được thể hiện trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, Quyền Lợi Cơ Bản chỉ có thể là một trong hai lựa chọn sau đây:

- (a) **Kế Hoạch A:** Giá trị cao hơn giữa Số Tiền Bảo Hiểm với Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng được tính vào Ngày Phát Sinh Sự Kiện Bảo Hiểm.
- (b) **Kế Hoạch B:** Tổng giá trị của Số Tiền Bảo Hiểm và Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng được tính vào Ngày Phát Sinh Sự Kiện Bảo Hiểm.

Rủi ro Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn chỉ được bảo hiểm cho đến hết Năm Hợp Đồng mà Người Được Bảo Hiểm được 65 Tuổi.

Tại thời điểm Người Được Bảo Hiểm 65 Tuổi, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu bằng văn bản lựa chọn chuyển đổi từ Kế Hoạch B sang Kế Hoạch A và việc thay đổi này có hiệu lực khi Công Ty chấp thuận bằng văn bản.

5.2 Quyền Lợi Bổ Sung

- (a) Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực cho đến hết Năm Hợp Đồng mà Người Được Bảo Hiểm được 65 Tuổi, nếu Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn do Tai Nạn hoặc bị tử vong do Tai Nạn và có sự chọn lựa tham gia thêm của Bên Mua Bảo Hiểm cũng như sự chấp nhận của Công Ty được thể hiện trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, bên cạnh Quyền Lợi Cơ Bản, Công ty sẽ chi trả thêm Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Sung cho Người Thụ Hưởng.
- (b) Rủi ro Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn do Tai Nạn và Tử Vong do Tai Nạn chỉ được bảo hiểm cho đến hết Năm Hợp Đồng mà Người Được Bảo Hiểm được 65 Tuổi.

5.3 Quyền Lợi Đáo Hạn và lãi đầu tư

5.3.1 Quyền Lợi Đáo Hạn

Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực cho đến trước Ngày Đáo Hạn, nếu như không có bất kỳ Sự Kiện Bảo Hiểm nào xảy ra, Công ty sẽ thanh toán Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng cho Người Thụ Hưởng.

5.3.2 Lãi đầu tư

- (a) Khoản tiền lãi đầu tư sẽ được tính trên cơ sở lãi kép hàng ngày và sẽ được cộng vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có) vào cuối mỗi tháng.
- (b) Lãi suất đầu tư được công bố bởi Công Ty là kết quả đầu tư thực tế trong năm tài chính của Quỹ Liên Kết Chung sau khi trừ đi Phí Quản Lý Quỹ. Lãi suất đầu tư được công bố được sử dụng để tính lãi của Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm. Lãi suất đầu tư được công bố hàng tháng hoặc hàng quý hoặc nửa năm hoặc hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Công Ty. Trong thời gian Hợp Đồng đang còn hiệu lực, Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sẽ được tính lãi theo mức lãi suất đầu tư được công bố nói trên.
- (c) Lãi suất đầu tư được công bố được đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết. Lãi suất cam kết là 2%/năm.

5.4 Quyền Lợi Thưởng Duy Trì Hợp Đồng

5.4.1 Trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, trong suốt mỗi khoảng thời gian 04 Năm Hợp Đồng liên tục được liệt kê tại Điều 5.4.2, Quyền Lợi Thưởng Duy Trì Hợp Đồng sẽ được Công Ty chi trả bằng cách phân bổ giá trị của quyền lợi này theo quy định tại Điều 5.4.3 vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản cuối mỗi khoảng thời gian 04 Năm Hợp Đồng liên tục trừ khi Bên Mua Bảo Hiểm gửi tới Công ty yêu cầu khác bằng văn bản nếu các điều kiện như sau được thỏa:

- (a) Bên Mua Bảo Hiểm thanh toán đầy đủ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản; và
- (b) Bên Mua Bảo Hiểm không thực hiện việc rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản theo quy định tại Điều 8.

5.4.2 Mỗi khoảng thời gian 04 Năm Hợp Đồng liên tục là một trong các khoảng thời gian như sau:

- (a) Khoảng thời gian liên tục từ bắt đầu Năm Hợp Đồng đầu tiên đến hết Năm Hợp Đồng thứ 4;
- (b) Khoảng thời gian liên tục từ bắt đầu Năm Hợp Đồng thứ 5 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 8;
- (c) Khoảng thời gian liên tục từ bắt đầu Năm Hợp Đồng thứ 9 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 12;
- (d) Khoảng thời gian liên tục từ bắt đầu Năm Hợp Đồng thứ 13 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 16;
- (e) Khoảng thời gian liên tục từ bắt đầu Năm Hợp Đồng thứ 17 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 20.

5.4.3 Quyền Lợi Thương Duy Trì Hợp Đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị trung bình Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm cụ thể như sau:

Năm Hợp Đồng	4	8	12	16	20
Tỷ lệ phần trăm trên giá trị trung bình Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm (%)	6	12	18	24	30

5.4.4 Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm không thực hiện đầy đủ điều kiện tại Điều 5.4.1 trong một khoảng thời gian liên tục cũng sẽ không ảnh hưởng đến việc nhận quyền lợi này ở khoảng thời gian liên tục sau đó.

Điều 6. Phí Bảo Hiểm, Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng, thay đổi các loại phí

Trong mọi trường hợp, Bên Mua Bảo Hiểm có nghĩa vụ đóng Phí Bảo Hiểm đúng hạn dù có nhận được thư yêu cầu hoặc nhắc nhở đóng phí của Công Ty hay không. Bằng chứng cho việc đóng Phí Bảo Hiểm đúng hạn là ngày ghi trên Phiếu thu phí bảo hiểm hợp lệ do Công Ty cấp cho Bên Mua Bảo Hiểm, ngày ngân hàng xác nhận trên ủy nhiệm chi hoặc xác nhận việc nộp tiền mặt vào tài khoản của Công Ty, hoặc ngày trên chứng từ thu phí hợp lệ khác theo quy định của Công Ty. Trong trường hợp khôi phục hiệu lực Hợp Đồng Bảo Hiểm, ngoài việc đóng Phí Bảo Hiểm, Bên Mua Bảo Hiểm phải thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy tắc Điều khoản này

Trong mỗi Năm Nộp Đồng, bất kỳ khoản Phí Bảo Hiểm nào do Bên Mua Bảo Hiểm đóng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Phí Bảo Hiểm Cơ Bản chưa đóng hoặc chưa được đóng đủ của những Năm Hợp Đồng trước đó và cho đến kỳ phí đến hạn hiện tại và phí bảo hiểm các Sản phẩm bổ trợ (nếu có); và (ii) Phần Phí Bảo Hiểm còn lại (nếu có) sẽ được xem là Phí Đóng Thêm.

6.1 Phí Bảo Hiểm Cơ Bản

- (a) Trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Phí Định Kỳ phải được thanh toán đầy đủ và đúng vào Ngày Đến Hạn Đóng Phí hoặc trong thời gian gia hạn để đảm bảo duy trì Hợp Đồng có hiệu lực, đồng thời Phí Định Kỳ không được thấp hơn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản. Kể từ Năm Hợp Đồng thứ 5 trở đi, Bên Mua Bảo Hiểm có thể thanh toán Phí Định Kỳ cao hơn, bằng hoặc thấp hơn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.
- (b) Phần Phí Định Kỳ bằng hoặc nhỏ hơn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sẽ được phân bổ vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản sau khi trừ đi Phí Ban Đầu.
- (c) Bên Mua Bảo Hiểm có quyền yêu cầu thay đổi Định Kỳ Phí vào các Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng. Yêu cầu thay đổi Định Kỳ Phí phải được lập thành văn bản và gửi đến Công Ty chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng.

6.2 Phí Đóng Thêm

- (a) Trong 01 Năm Hợp Đồng, Phí Đóng Thêm sẽ không vượt quá 05 lần Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên.
- (b) Trong trường hợp Lãi đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung dưới mức cam kết, Công Ty có quyền ngừng nhận đóng Phí Đóng Thêm bất cứ lúc nào và chỉ nhận các khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.

6.3 Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản

Vào cuối mỗi tháng, Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản bằng:

- (a) Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản tại thời điểm cuối tháng trước đó; cộng
- (b) Bất kỳ Phí Định Kỳ được đóng vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản sau khi đã trừ Phí Ban Đầu kể từ thời điểm cuối tháng liền trước đó; cộng
- (c) Khoản tiền được chuyển từ Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm trong trường hợp Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản không đủ để đóng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên; trừ đi
- (d) Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng; cộng
- (e) Lãi đầu tư được tính theo lãi suất được công bố kể từ thời điểm cuối tháng liền trước đó theo quy định tại Điều 5.3; cộng
- (f) Quyền Lợi Thương Duy Trì Hợp Đồng (nếu có); trừ đi
- (g) Khoản tiền rút từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản (nếu có).

6.4 Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm

Vào cuối mỗi tháng, Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm bằng:

- (a) Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm vào cuối tháng liền trước đó; cộng
- (b) Bất kỳ khoản Phí Đóng Thêm nào vào Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm sau khi đã trừ Phí Ban Đầu kể từ thời điểm cuối tháng liền trước đó; trừ đi
- (c) Khoản tiền chuyển từ Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản trong trường hợp Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản không đủ để đóng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên; trừ đi
- (d) Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng trong trường hợp Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản không đủ để khấu trừ các Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng; cộng
- (e) Lãi đầu tư được tính theo lãi suất được công bố kể từ thời điểm cuối tháng liền trước đó theo quy định tại Điều 5.3; trừ đi
- (f) Khoản tiền rút từ Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có).

6.5 Thay đổi các loại phí

Các loại phí có thể được thay đổi bao gồm: Phí Ban Đầu, Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng, Phí Quản Lý Quỹ, Phí Huỷ Bỏ Hợp Đồng, Phí Rút Tiền. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại Hợp Đồng, Công Ty có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí này sau khi thông báo Bên Mua Bảo Hiểm bằng văn bản ít nhất 03 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

Điều 7. Chuyển nhượng Hợp Đồng

- 7.1 Trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực và Người Được Bảo Hiểm còn sống, Bên Mua Bảo Hiểm có thể chuyển nhượng toàn bộ Hợp Đồng cho cá nhân khác nếu việc chuyển nhượng phù hợp quy định tại Luật Kinh doanh Bảo hiểm, bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng yêu cầu về mối quan hệ có thể được bảo hiểm và đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan tại thời điểm chuyển nhượng và của Quy Tắc Điều Khoản.
- 7.2 Việc chuyển nhượng chỉ có giá trị hiệu lực khi có được sự chấp thuận bằng văn bản của Công Ty.
- 7.3 Khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Bên được chuyển nhượng sẽ có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm đối với Hợp Đồng. Tuy nhiên, Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng sẽ không thay đổi. Công Ty không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên Mua Bảo Hiểm và bên được chuyển nhượng.

Điều 8. Rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm

- 8.1 Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, kể từ Năm Hợp Đồng thứ hai, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu bằng văn bản để rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và/hoặc Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.
- 8.2 Trong trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm chọn Kế Hoạch A tại thời điểm tham gia bảo hiểm, nếu sau khi rút tiền, trường hợp Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng thấp hơn Số Tiền Bảo Hiểm, thì Số Tiền Bảo Hiểm sẽ tự động bị giảm tương ứng như các trường hợp sau:
 - (a) Nếu tại thời điểm yêu cầu rút tiền mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng bằng hoặc lớn hơn Số Tiền Bảo Hiểm, thì Số Tiền Bảo Hiểm sẽ tự động giảm bằng với Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi rút tiền.
 - (b) Nếu tại thời điểm yêu cầu rút tiền mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng thấp hơn Số Tiền Bảo Hiểm, thì sau khi rút tiền Số Tiền Bảo Hiểm sẽ tự động giảm với mức giảm bằng với số tiền được rút.Số Tiền Bảo Hiểm sau khi được giảm theo Điều 8.2 này sẽ có hiệu lực kể từ Ngày Kỷ Niệm Tháng kế tiếp.

Việc rút tiền sẽ không được thực hiện khi Số Tiền Bảo Hiểm sau khi được giảm theo Điều 8.2 thấp hơn Số Tiền Bảo Hiểm tối thiểu theo quy định của Công Ty tại thời điểm yêu cầu rút tiền.

- 8.3** Bên Mua Bảo Hiểm sẽ được rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm khi thoả các điều kiện sau:
- (a) Số tiền yêu cầu rút tối thiểu từ 1.000.000 đồng; và
 - (b) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi tổng giá trị của (i) số tiền được yêu cầu rút, (ii) Khoản Nợ chưa thanh toán (nếu có) không thấp hơn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm.
- 8.4** Phí Rút Tiền sẽ được khấu trừ vào số tiền yêu cầu rút trước khi Công Ty chi trả cho Bên Mua Bảo Hiểm.

Điều 9. Huỷ bỏ Hợp Đồng

Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, kể từ Năm Hợp Đồng thứ hai, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng trước Ngày Đáo Hạn để nhận Giá Trị Hoàn Lại.

Điều 10. Tạm ứng từ Giá Trị Hoàn Lại

- 10.1** Trong suốt thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, kể từ Năm Hợp Đồng thứ hai, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu bằng văn bản để được tạm ứng với điều kiện là:
- (a) Tổng của khoản tạm ứng được yêu cầu không được vượt quá 80 % Giá Trị Hoàn Lại; và
 - (b) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi tổng khoản yêu cầu tạm ứng và Khoản Nợ chưa thanh toán phải ít nhất bằng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm.
- 10.2** Bên Mua Bảo Hiểm có thể hoàn trả số tiền đã tạm ứng và khoản lãi phát sinh vào bất cứ lúc nào trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực và theo hướng dẫn được thông báo trên cổng thông tin điện tử của Công Ty. Lãi phát sinh trên khoản tạm ứng sẽ được tính đến ngày mà khoản tạm ứng được hoàn trả (bao gồm cả ngày hoàn trả). Hợp Đồng sẽ bị mất hiệu lực khi Giá Trị Hoàn Lại nhỏ hơn tổng của các khoản tạm ứng và lãi phát sinh.
- 10.3** Khoản lãi phát sinh trên các khoản tạm ứng là số tiền thu nhập từ hoạt động đầu tư bị giảm do việc tạm ứng và được tính trên giá trị của các khoản tạm ứng. Công Ty sẽ công bố mức lãi suất tại từng thời điểm trên cổng thông tin điện tử của Công Ty. Khoản lãi là lãi kép và được tính toán theo phương pháp trình bày trong cơ sở kỹ thuật của sản phẩm bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài Chính khi đề nghị phê chuẩn sản phẩm này.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin

11.1 Công Ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp Đồng, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm. Trường hợp Công Ty cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp Đồng thì Bên Mua Bảo Hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng; Công Ty phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên Mua Bảo Hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.

11.2 Trách nhiệm kê khai thông tin của Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm

- (a) Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) có trách nhiệm kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Công Ty để Công Ty đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp Đồng. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) theo quy định tại điều này.
- (b) Nếu Bên Mua Bảo Hiểm và/hoặc Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) cố ý kê khai không trung thực các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Công Ty, theo đó, nếu với thông tin chính xác, Công Ty sẽ không chấp nhận bảo hiểm hoặc không chấp nhận khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm, Công ty có quyền đơn phương đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hợp đồng và thu các Khoản Nợ (nếu có) ngay sau khi phát hiện hành vi vi phạm của Bên Mua Bảo Hiểm và/hoặc Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm). Khi đó Công ty sẽ chi trả cho Bên Mua Bảo Hiểm Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ các Khoản Nợ, các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán và chi phí y khoa (nếu có) và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.
- (c) Trong trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm và/hoặc Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng tới quyết định chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp Đồng theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm, Công Ty vẫn sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu có Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra theo Quy Tắc Điều Khoản này.
- (d) Trong trường hợp Hợp Đồng tiếp tục duy trì hiệu lực, Công Ty và Bên Mua Bảo Hiểm có thể thỏa thuận về việc thu thêm khoản Phí Bảo Hiểm Rủi Ro hoặc điều chỉnh Số Tiền Bảo Hiểm và Số Tiền Bảo Hiểm Bỏ Sung (nếu có) giảm tương ứng với mức rủi ro.

Điều 12. Những thay đổi liên quan đến Hợp Đồng

12.1 Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai ngày sinh hoặc giới tính của Người Được Bảo Hiểm, Phí Bảo Hiểm Rủi Ro sẽ được điều chỉnh lại theo Tuổi và/hoặc giới tính đúng. Cụ thể như sau:

- (a) Nếu Phí Bảo Hiểm Rủi Ro đã được khấu trừ trước đó thấp hơn Phí Bảo Hiểm Rủi Ro theo Tuổi và/hoặc giới tính đúng, Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng thêm tổng số Phí Bảo Hiểm Rủi Ro còn thiếu. Công Ty sẽ tiến hành trừ từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và/hoặc Giá trị Tài Khoản Đóng Thêm cho khoản Phí Bảo Hiểm Rủi Ro còn thiếu.
- (b) Nếu Phí Bảo Hiểm Rủi Ro đã được khấu trừ trước đó cao hơn Phí Bảo Hiểm Rủi Ro theo Tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công Ty sẽ trả cho Bên Mua Bảo Hiểm tổng số Phí Bảo Hiểm Rủi Ro đã đóng dư (không có lãi) vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản.

12.2 Nếu theo Tuổi và/hoặc giới tính đúng, Người Được Bảo Hiểm không thể được bảo hiểm thì Công Ty có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng và trả cho Bên Mua Bảo Hiểm Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ các Khoản Nợ, các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán và chi phí y khoa (nếu có).

12.3 Trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu Công Ty bằng văn bản để sửa đổi các chi tiết của Hợp Đồng. Công Ty sẽ thông báo cho Bên Mua Bảo Hiểm biết việc thay đổi có thể chấp nhận được hay không và thông báo các điều kiện cần đáp ứng để việc thay đổi được chấp nhận. Nếu Công Ty chấp nhận yêu cầu thay đổi và khi tất cả các điều kiện đã được đáp ứng, Công Ty sẽ xác nhận việc thay đổi bằng cách gửi cho Bên Mua Bảo Hiểm một bản sửa đổi bổ sung Hợp Đồng nêu đầy đủ các chi tiết có liên quan đến việc sửa đổi Hợp Đồng.

12.4 Bên Mua Bảo Hiểm có trách nhiệm thông báo cho Công Ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh các thay đổi sau:

- (a) Thông tin nhân thân của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm như: tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email;
- (b) Người Được Bảo Hiểm ra nước ngoài từ 60 ngày liên tục trở lên.
- (c) Người Được Bảo Hiểm thay đổi nghề nghiệp.

Ngoại trừ các trường hợp đã được quy định trong Quy Tắc Điều Khoản, Công Ty có thể thẩm định lại rủi ro có thể được bảo hiểm đối với các thay đổi tại Điều 12.4 để (i) xác định lại mức Phí Bảo Hiểm Rủi Ro, (ii) loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, (iii) giảm quyền lợi bảo hiểm, hoặc (iv) chấm dứt Hợp Đồng. Nếu Công Ty chấm dứt Hợp Đồng, Công Ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá Trị Hoàn Lại tại thời điểm đó.

12.5 Thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm

- (a) Trong thời gian Hợp Đồng đang có hiệu lực và từ Năm Hợp Đồng thứ 05, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu thay đổi tăng hoặc giảm Số Tiền Bảo Hiểm với điều kiện được sự chấp thuận bằng văn bản của Công Ty. Số lần tối đa để yêu cầu thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm cho mỗi Năm Hợp Đồng sẽ áp dụng theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm và được thông báo hàng năm cho Bên Mua Bảo Hiểm.

- (b) Việc thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày Kỷ Niệm Tháng tiếp theo ngay sau ngày yêu cầu thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm được Công Ty chấp thuận. Tuy nhiên, Phí Bảo Hiểm Rủi Ro, Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và các quyền lợi có liên quan của Hợp Đồng sẽ được điều chỉnh.
- (c) Trong trường hợp tăng Số Tiền Bảo Hiểm:
 - (i) Tuổi của Người Được Bảo Hiểm không được vượt quá 60 Tuổi khi yêu cầu tăng Số Tiền Bảo Hiểm; và
 - (ii) Việc yêu cầu tăng Số Tiền Bảo Hiểm chỉ được thực hiện khi Công Ty vẫn còn đang cung cấp sản phẩm bảo hiểm này; và
 - (iii) Người Được Bảo Hiểm đáp ứng các yêu cầu về thẩm định theo quy định của Công ty.
- (d) Trong trường hợp yêu cầu thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm, Số Tiền Bảo Hiểm mới không được thấp hơn Số Tiền Bảo Hiểm tối thiểu hoặc cao hơn Số Tiền Bảo Hiểm tối đa theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm và được thông báo hàng năm cho Bên Mua Bảo Hiểm.
- (e) Bên Mua Bảo Hiểm phải chịu chi phí khám sức khỏe (nếu có) liên quan đến yêu cầu tăng Số Tiền Bảo Hiểm nêu tại Điều 12.5(c).

Điều 13. Miễn truy xét

Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 11.2, khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót trong Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được Công Ty miễn truy xét sau 24 tháng kể từ Ngày Hiệu Lực hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp Đồng gần nhất.

Điều 14. Thời gian gia hạn đóng phí

14.1 Trong 04 (bốn) Năm Hợp Đồng đầu tiên:

- (a) Thời gian gia hạn đóng phí sẽ là 60 ngày kể từ ngày nào đến sớm hơn của các ngày sau:
 - (i) Ngày Đến Hạn Đóng Phí khi Bên Mua Bảo Hiểm không thanh toán Phí Định Kỳ đến hạn; hoặc
 - (ii) Ngày mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng nhỏ hơn Khoản Nợ.
- (b) Nếu Bên Mua Bảo Hiểm không thanh toán Phí Định Kỳ trong thời gian gia hạn đóng phí nêu tại Điểm (i) Điều 14.1(a) và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm có đủ tiền để thanh toán Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, thì Công Ty có quyền tự động khấu trừ một khoản tiền trong Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm bằng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản để đóng ngay sau khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí, khoản chênh lệch giữa Phí Ban Đầu cho khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Ban Đầu cho Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm của mỗi Năm Phí Bảo Hiểm tương ứng được áp dụng để khấu trừ. Tuy

nhiên, Hợp Đồng sẽ bị mất hiệu lực vào Ngày Đến Hạn Đóng Phí trong trường hợp Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm không đủ tiền để thanh toán Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.

- (c) Kết thúc thời gian gia hạn đóng phí theo Điểm (ii) Điều 14.1(a), nếu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng vẫn nhỏ hơn Khoản Nợ thì Hợp Đồng sẽ bị mất hiệu lực vào ngày mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng nhỏ hơn Khoản Nợ.

14.2 Kể từ Năm Hợp Đồng thứ 05 (năm):

- (a) Thời gian gia hạn đóng phí sẽ là 60 ngày kể từ ngày nào đến sớm hơn của các ngày sau:
 - (i) Ngày Kỳ Niệm Tháng khi mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng không đủ để khấu trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng cho tháng kế tiếp; hoặc
 - (ii) Ngày mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng nhỏ hơn Khoản Nợ.
- (b) Kết thúc thời gian gia hạn nêu tại Điểm (i) Điều 14.2(a) mà Bên Mua Bảo Hiểm không thanh toán Phí Định Kỳ, thì Hợp Đồng sẽ bị mất hiệu lực vào Ngày Kỳ Niệm Tháng khi mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng không đủ để khấu trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.
- (c) Sau khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí theo Điểm (ii) Điều 14.2(a), nếu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng vẫn nhỏ hơn Khoản Nợ thì Hợp Đồng sẽ bị mất hiệu lực vào ngày mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng nhỏ hơn Khoản Nợ.

14.3 Nếu Phí Định Kỳ được thanh toán trong thời gian gia hạn đóng phí, thì Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm sẽ khấu trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng trong thời gian gia hạn đóng phí.

14.4 Trong suốt thời gian gia hạn đóng phí, Công Ty sẽ không khấu trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro. Tuy nhiên, Công Ty sẽ khấu trừ các Khoản Nợ (nếu có) từ bất kỳ khoản thanh toán nào trước khi chi trả theo Hợp Đồng.

14.5 Trước khi Hợp Đồng bị mất hiệu lực như tại Điều 14.1, Điều 14.2, Công Ty sẽ gửi các thông báo như sau cho Bên Mua Bảo Hiểm:

- (a) Thông báo thanh toán vào Ngày Đến Hạn Đóng Phí;
- (b) Thông báo cảnh báo việc Hợp Đồng bị mất hiệu lực trước khi thời gian gia hạn đóng phí chấm dứt ít nhất 30 ngày.
- (c) Thông báo xác nhận Hợp Đồng bị mất hiệu lực vào ngày cuối cùng của thời gian gia hạn do Phí Định Kỳ quá hạn chưa được thanh toán.
- (d) Thông báo vào Ngày Kỳ Niệm Tháng khi mà Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ Khoản Nợ chưa thanh toán (nếu có) không đủ để khấu trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.

Điều 15. Khôi phục hiệu lực Hợp Đồng

Khi Hợp Đồng bị mất hiệu lực do những nguyên nhân được quy định tại Điều 14.1, Điều 14.2, Điều 10.2 hoặc nguyên nhân khác được Công Ty chấp thuận theo từng trường hợp, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực của Hợp Đồng tại bất kỳ thời điểm nào nếu như các yêu cầu sau đây được đáp ứng:

15.1 Các yêu cầu để khôi phục hiệu lực Hợp Đồng:

- (a) Bên Mua Bảo Hiểm gửi văn bản đề yêu cầu khôi phục hiệu lực của Hợp Đồng trong vòng 02 năm kể từ ngày Hợp Đồng bị mất hiệu lực; và
- (b) Nếu Hợp Đồng bị mất hiệu lực trong khoảng thời gian 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Bên Mua Bảo Hiểm phải thanh toán đầy đủ Phí Bảo Hiểm bằng với tất cả khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho khoảng thời gian kể từ ngày Hợp Đồng bị mất hiệu lực đến ngày khôi phục hiệu lực Hợp Đồng; và
- (c) Nếu Hợp Đồng bị mất hiệu lực sau thời gian 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Bên Mua Bảo Hiểm phải thanh toán Phí Định Kỳ tối thiểu bằng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm; và
- (d) Bên Mua Bảo Hiểm hoàn trả một phần hoặc toàn bộ các khoản tạm ứng và lãi phát sinh cho Công Ty trong trường hợp mất hiệu lực do nguyên nhân được quy định tại Điều 10.2; và
- (e) Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm thoả mãn tất cả các điều kiện tham gia theo quy định của Quy Tắc Điều Khoản; và
- (f) Công Ty có quyền được thực hiện các thủ tục thẩm định bảo hiểm (nếu thấy cần thiết) và đưa ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận bảo hiểm đối với Người Được Bảo Hiểm.

15.2 Nếu được Công Ty chấp thuận, Hợp Đồng sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ ngày ghi trên văn bản chấp thuận của Công Ty với điều kiện vào thời điểm này, cả Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm phải còn sống và Người Được Bảo Hiểm không bị Thương Tật Toàn Bộ Và Vĩnh Viễn.

15.3 Công Ty có quyền không giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp Đồng và các quyền lợi bảo hiểm bổ trợ khác (nếu có) đối với các Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày mất hiệu lực hiệu lực Hợp Đồng cho đến trước khi Hợp Đồng được khôi phục.

15.4 Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản sau khi Hợp Đồng được khôi phục sẽ được điều chỉnh như sau:

- (a) Lãi đầu tư sẽ được cộng vào Giá Trị Tài khoản Cơ Bản; trừ đi
- (b) Phí Quản Lý Hợp Đồng.

Lãi đầu tư và Phí Quản Lý Hợp Đồng như vừa nêu tại Điều 15.4.(a) và Điều 15.4.(b) như trên sẽ được tính kể từ ngày Hợp Đồng bị mất hiệu lực đến ngày khôi phục hiệu lực Hợp Đồng.

15.5 Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu nhận Giá Trị Hoàn Lại trong suốt thời gian Hợp Đồng bị mất hiệu lực. Trong trường hợp này, Hợp Đồng sẽ không được khôi phục theo quy định tại Điều 15.

Điều 16. Chấm dứt Hợp Đồng

Trừ khi được quy định khác trong Hợp Đồng, Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt vào ngày sớm nhất của một trong các ngày hoặc khi xảy ra các trường hợp sau:

16.1 Ngày Phát Sinh Sự Kiện Bảo Hiểm đối với Người Được Bảo Hiểm;

16.2 Ngày Đáo Hạn;

16.3 Ngày mà Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt toàn bộ Hợp Đồng để nhận Giá Trị Hoàn Lại;

16.4 Quá thời hạn 02 năm kể từ ngày Hợp Đồng bị mất hiệu lực theo quy định tại Điều 14;

16.5 Những ngày khác hoặc sự kiện khác được quy định trong Hợp Đồng hoặc theo quy định của luật pháp liên quan.

Điều 17. Chỉ định Người Thụ Hưởng

17.1 Bên Mua Bảo Hiểm, với sự đồng ý trước của Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) có quyền chỉ định một hoặc nhiều Người Thụ Hưởng và sự chỉ định này được thể hiện trên Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm. Trường hợp Người Thụ Hưởng không được chỉ định, thì Người Thụ Hưởng sẽ là Bên Mua Bảo Hiểm.

17.2 Bên Mua Bảo Hiểm, với sự đồng ý trước của Người Được Bảo Hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người Được Bảo Hiểm) có quyền thay đổi Người Thụ Hưởng bất kỳ lúc nào trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng và sự thay đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày Công Ty chấp thuận. Công Ty không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) liên quan đến việc chỉ định thay đổi Người Thụ Hưởng.

17.3 Khi có nhiều hơn 02 Người Thụ Hưởng, nếu Bên Mua Bảo Hiểm không xác định rõ ràng phần quyền lợi bảo hiểm được nhận của mỗi Người Thụ Hưởng, thì mỗi Người Thụ Hưởng sẽ nhận được một phần bằng nhau của quyền lợi bảo hiểm được chi trả. Ngoài ra, nếu có bất kỳ Người Thụ Hưởng nào chết trước thời điểm thanh toán, những quyền lợi của những người này sẽ được thanh toán đồng đều cho những Người Thụ Hưởng còn lại còn sống. Trong trường hợp không có bất kỳ Người Thụ Hưởng nào còn sống tại thời điểm thanh toán thì người nhận quyền lợi bảo hiểm sẽ là Bên Mua Bảo Hiểm hoặc người thừa kế hợp pháp của Bên Mua Bảo Hiểm.

Điều 18. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

18.1 Thời gian nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm rủi ro là trong vòng 12 tháng kể từ Ngày Phát Sinh Sự Kiện Bảo Hiểm. Thời hạn 12 tháng này không bao gồm thời gian bị trì hoãn do các trở ngại khách quan và sự kiện bất khả kháng.

18.2 Hồ sơ yêu cầu giải quyết Quyền Lợi Cơ Bản và Quyền Lợi Bổ Sung (nếu có):

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi của Hợp Đồng Bảo Hiểm, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty các hồ sơ, tài liệu dưới đây:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (theo mẫu do Công Ty quy định) đã được điền đầy đủ và ký tên;
- Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm (bản gốc);
- Bản sao được chứng thực hợp pháp của giấy chứng tử do cơ quan có thẩm quyền cấp (trong trường hợp chết);
- Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hợp pháp Hồ sơ Tai Nạn của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp Tai Nạn);
- Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hợp pháp giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về tình trạng Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn của Người Được Bảo Hiểm (trong trường hợp Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn);
- Bản sao được chứng thực hợp pháp của Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác của Người Thụ Hưởng, Người Được Bảo Hiểm;
- Bản sao được chứng thực hợp pháp các giấy tờ khác có liên quan đến việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo yêu cầu của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Công Ty có thể yêu cầu cung cấp bổ sung các hồ sơ khác (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hợp pháp) của Người Được Bảo Hiểm có liên quan đến tình trạng Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn hoặc cái chết của Người Được Bảo Hiểm như sau:
 - + Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Tóm tắt/Bản sao hồ sơ bệnh án hoặc Hồ sơ bệnh án đầy đủ;
 - + Giấy chuyên viện, Biên bản hội chẩn;
 - + Sổ khám bệnh, giấy tờ y tế phục vụ việc chẩn đoán và điều trị bệnh;
 - + Xác nhận hoặc Giấy chứng nhận thương tích do Cơ sở y tế/ Bệnh viện cung cấp;
 - + Kết luận giám định y khoa do cơ quan y tế / Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên hoặc trực thuộc Bộ ngành cấp Trung Ương;

18.3 Hồ sơ yêu cầu giải quyết các quyền lợi khác của Hợp Đồng Bảo Hiểm:

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi của Hợp Đồng, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty các hồ sơ, tài liệu dưới đây:

- (a) Giấy yêu cầu (theo mẫu do Công Ty cung cấp đối với từng quyền lợi được yêu cầu giải quyết) do Người Thụ Hưởng hoặc đại diện hợp pháp của Người Thụ Hưởng điền đầy đủ và ký tên;
- (b) Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm (bản gốc trong trường hợp nhận Quyền Lợi Đáo Hạn hoặc nhận Giá Trị Hoàn Lại, bản sao có chứng thực hợp pháp trong trường hợp nhận các quyền lợi khác);
- (c) Bản sao có chứng thực hợp pháp của Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác của Người Thụ Hưởng và/hoặc người nhận quyền lợi của Hợp Đồng.

18.4 Để phục vụ cho việc giải quyết quyền lợi của Hợp Đồng, Công Ty có thể:

- (a) Yêu cầu Người Được Bảo Hiểm thực hiện các giám định y khoa tại Bệnh viện hoặc Cơ sở y tế với Bác sĩ do Công Ty và Người Thụ Hưởng hoặc người đại diện hợp pháp của Người Thụ Hưởng thỏa thuận lựa chọn;

Trong phạm vi Quy tắc Điều khoản này, Bệnh Viện hoặc Cơ Sở Y Tế được hiểu là một cơ sở khám chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam hoặc nước sở tại. Cơ sở đó phải được cấp phép như một bệnh viện/cơ sở y tế theo quy định của Việt Nam hoặc nước sở tại. Đối với Bệnh Viện trong lãnh thổ Việt Nam, tư cách của bệnh viện phải được thể hiện bằng chữ “bệnh viện” trên con dấu chính thức. Đối với Bệnh Viện ngoài lãnh thổ Việt Nam, tư cách của Bệnh Viện phải được thể hiện bằng ngôn ngữ của quốc gia/ lãnh thổ đó mà được hiểu là “bệnh viện” theo tiếng Việt. Cho mục đích của sản phẩm bảo hiểm này, Bệnh Viện sẽ không bao gồm:

- Trung tâm y tế dự phòng;
- Bệnh viện/ viện tâm thần;
- Bệnh viện/ viện y học dân tộc;
- Bệnh viện/ viện phong;
- Nhà điều dưỡng, trung tâm phục hồi chức năng, nhà lưu bệnh;
- Nhà bảo sanh, nhà an dưỡng hay các cơ sở khác chủ yếu dành cho việc chữa trị cho người già, người nghiện rượu, chất ma túy, chất kích thích cho dù các cơ sở, trung tâm này hoạt động độc lập hay trực thuộc một Bệnh viện.

Trong phạm vi Quy tắc Điều khoản này, Bác Sĩ được hiểu là cá nhân tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tây Y trở lên và được cấp phép hành nghề bác sĩ hợp pháp tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh và phẫu thuật. Trong định nghĩa này, Bác Sĩ không bao gồm những người sau đây:

- Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm, Người Thụ Hưởng;
- Đối tác kinh doanh của Bên Mua Bảo hiểm hoặc của Người Được Bảo Hiểm hoặc của Người Thụ Hưởng;
- Đại lý bảo hiểm, người tuyển dụng, nhân viên của Bên Mua Bảo Hiểm hoặc Người Được Bảo Hiểm.
- Các thành viên trực hệ trong gia đình (cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em ruột) của Bên Mua Bảo Hiểm hoặc Người Được Bảo Hiểm.

(b) Yêu cầu giám định pháp y trong trường hợp chết, nếu cần thiết và được Pháp Luật cho phép.

Công Ty sẽ chi trả chi phí cho việc giám định/xác nhận y tế bổ sung này. Công Ty sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm nếu Người Được Bảo Hiểm không thực hiện các yêu cầu trên, trừ khi Người Được Bảo Hiểm có lý do chính đáng được Công Ty chấp thuận.

18.5 Nếu Người Thụ Hưởng chưa thành niên và/hoặc mất năng lực hành vi dân sự vào thời điểm yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, thì hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải có thêm bản sao được chứng thực hợp pháp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận người đại diện theo pháp luật liên quan cùng với bản sao được chứng thực hợp pháp Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật.

18.6 Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

(a) Công Ty có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 18 này. Trường hợp giải quyết quyền lợi bảo hiểm sau ngày làm việc thứ 30 quy định tại Điều này, Công Ty sẽ chi trả thêm một khoản tiền lãi cho số tiền chưa chi trả kể từ ngày thứ 31 với lãi suất bằng với lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm chi trả.

(b) Trong trường hợp có nhiều hơn một Người Thụ Hưởng được chỉ định và một hoặc một số người trong đó có hành vi cố ý gây ra Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn hoặc tử vong cho Người Được Bảo hiểm thì Công Ty vẫn thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho những Người Thụ Hưởng khác theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Bên Mua Bảo Hiểm đã chỉ định trong Hợp Đồng.

(c) Người Thụ Hưởng và/hoặc người nhận quyền lợi của Hợp Đồng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công Ty đầy đủ và ngay lập tức các khoản tiền quyền lợi bảo hiểm mà Công Ty đã chi trả theo Hợp Đồng nếu Công Ty chứng minh được Người Thụ Hưởng và/hoặc người nhận quyền lợi của Hợp Đồng đã không trung thực, gian dối và/hoặc nhầm lẫn khi yêu cầu giải quyết các quyền lợi bảo hiểm.

(d) Công Ty có quyền từ chối giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào nếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo Hợp Đồng được chứng minh là không trung thực, gian dối.

Điều 19. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Công Ty có quyền không chi trả các quyền lợi bảo hiểm của Hợp Đồng nếu Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và/hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- (a) Do tự tử trong thời hạn 02 năm kể từ Ngày Hiệu Lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp Đồng nếu Hợp Đồng được khôi phục hiệu lực;
- (b) Do hành vi cố ý của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm hoặc Người Thụ Hưởng;
- (c) Do: (i) bị thi hành án tử hình; hoặc (ii) tự gây thương tích dù đang trong tình trạng có hoặc không có năng lực hành vi dân sự; hoặc (iii) cố ý sử dụng trái phép các chất ma túy, chất kích thích; hoặc (iv) Người Được Bảo Hiểm tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, tham gia đánh nhau, ẩu đả; hoặc (v) chống lại việc bắt giữ của cơ quan có thẩm quyền hay vượt ngục;
- (d) Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS, các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi rút gây bệnh AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát;
- (e) Tình trạng thương tật hay bệnh lý của Người Được Bảo Hiểm đã được khám, chẩn đoán hoặc điều trị tồn tại trước Ngày Hiệu Lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp Đồng gần nhất (nếu có).
- (f) Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra có nguyên nhân trực tiếp từ việc Người Được Bảo Hiểm thực hiện các công việc, các hoạt động giải trí có tính rủi ro cao như: (1) làm việc ở độ cao trên 6 mét; (2) sử dụng vũ khí quân dụng; (3) hoạt động thể thao chuyên nghiệp; (4) hoạt động nuôi dưỡng và huấn luyện thú tại sở thú; (5) làm việc trong hầm mỏ; (6) hoạt động lặn chuyên nghiệp (có hoặc không sử dụng thiết bị thở dưới nước); (7) xử lý vật liệu nổ; (8) đua xe, nhảy dù, nhảy bungee, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe; (9) tham gia các hoạt động bay không phải với tư cách là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại có lịch trình bay cụ thể của hãng hàng không;
- (g) Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến, bao gồm hành động xâm lược, hành động của nước thù địch, chiến tranh (tuyên chiến hay không tuyên chiến), nội chiến, nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính quân sự hoặc tiếm quyền.

Trong trường hợp Sự Kiện Bảo Hiểm xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và/hoặc có nguyên nhân thuộc các trường hợp bị loại trừ theo quy định tại Điều 19, Công Ty sẽ chi trả cho Bên Mua Bảo Hiểm Giá Trị Hoàn Lại sau khi trừ đi các Khoản Nợ chưa thanh toán (nếu có). Nếu Bên mua Bảo hiểm chết thì số tiền trả lại được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Điều 20. Chính sách Quỹ Liên Kết Chung

20.1 Trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực, Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng được Công Ty sử dụng để đầu tư vào Quỹ Liên Kết Chung. Việc đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung được đảm bảo thực hiện theo chính sách đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung và quy định của pháp luật.

20.2 Chính sách đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung:

- (a) Công Ty sẽ triển khai đầu tư thận trọng tập trung trên các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như là tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư khác được quy định bởi pháp luật.
- (b) Công Ty có toàn quyền quyết định đầu tư trên cơ sở chính sách đầu tư Quỹ Liên Kết Chung này.
- (c) Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung sẽ được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 21. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Hợp Đồng sẽ được giải thích và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khi xảy ra tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng mà các bên không thể giải quyết được bằng thỏa thuận hoặc hòa giải trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp, một trong các bên có thể khởi kiện tại một Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tại nơi đặt trụ sở chính của Công Ty hoặc nơi cư trú của Bên Mua Bảo Hiểm để giải quyết tranh chấp đó. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.

PHỤ LỤC TỶ LỆ PHÍ

(Được phê chuẩn theo công văn số: 13510/BTC-QLBH ngày 02 /11 / 2018)

1/ Phí Ban Đầu:

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (%)	55,0	40,0	25,0	20,0	10,0	7,0	7,0	4,0	4,0	2,0
Tỷ lệ trên Phí Đóng Thêm (%)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0

2/ Phí Quản Lý Hợp Đồng: là 25.000 VND / tháng. Việc điều chỉnh Phí Quản Lý Hợp Đồng (nếu có) sẽ căn cứ theo tỷ lệ lạm phát hàng năm do Chính phủ công bố, việc điều chỉnh không vượt quá 10%/năm và không quá 45.000 VND / tháng.

3/ Phí Quản Lý Quỹ: là 2% mỗi năm.

4/ Phí Huỷ Bỏ Hợp Đồng:

Phí Huỷ Bỏ Hợp Đồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị trung bình của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo Định Kỳ Phí hàng năm, cụ thể như sau:

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ Phí Huỷ Bỏ (%)	100	100	100	100	80	60	40	20	10	0

5/ Phí Rút Tiền:

- a. Nếu Bên Mua Bảo Hiểm rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, Phí Rút Tiền được xác định là Phí Huỷ Bỏ Hợp Đồng được tính như tại mục 4 Phụ Lục Tỷ Lệ Phí nhân với tỷ lệ giữa số tiền yêu cầu rút và Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản tại thời điểm rút.
- b. Nếu Bên Mua Bảo Hiểm rút tiền từ Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm thì Bên Mua Bảo Hiểm không phải chịu Phí Rút Tiền.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MIRAE ASSET PRÉVOIR

Văn phòng chính:

Tầng 6A - 8, Tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng
436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
☎ (84-28) 2220 1050 📠 (84-28) 3823 7349

Văn phòng Hà Nội:

Tầng 9, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
☎ (84-24) 3934 4939 📠 (84-24) 3934 4940



map-life.com.vn